

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Th với anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tuệ;

Ông Lê Thành Nam.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 28/9/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn với anh Th thì chị đã kết hôn với anh Nguyễn Văn Ch và sinh được 01 con chung là Nguyễn Thị Hải M, sinh năm 2008, năm 2008 anh Ch chết. Còn anh T trước khi kết hôn với chị thì đã kết hôn với chị D và sinh được 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/12/2013, năm 2017 chị D chết. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T, khi đó gia đình gồm có vợ chồng chị cùng con riêng của chị và 02 con riêng của anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hòa thuận đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống gia đình khó khăn, vợ chồng không thông cảm cho nhau, nên có xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị đã sinh được 01 con chung là Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 06/9/2019, hiện anh T đang nuôi con. Nay chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th có mặt và trình bày: Hiện nay con chung đang được chị nuôi dưỡng, nên chị nhận nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 09/11/2022 và những lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị Th về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Sau khi kết hôn thì chị Th về chung sống cùng anh và 02 con riêng của anh tại thôn B, xã Ng, đến tháng 9/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th cho rằng anh không quan tâm đến chị Th, vợ chồng có xảy ra cãi vã, to tiếng. Tháng 9/2022 chị Th đã đưa con riêng về ở cùng bố mẹ tại thị trấn C, vợ chồng đã ly thân từ đó tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung như chị Th trình bày là đúng, hiện con đang được anh nuôi dưỡng. Ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh có nhà đất riêng và đang kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/ tháng, thời gian làm việc chủ động, nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T có mặt và giữ nguyên trình bày trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ

thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Th nuôi con Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 06/9/2019. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Th, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Th xin ly hôn với anh T và tranh chấp về nuôi con, anh T có nơi cư trú tại thôn B, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T ngày 28/9/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến tháng 9 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra đánh cãi chửi nhau, đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và anh nhất trí ly hôn với chị Th. Hội đồng xét xử thấy, chị Th, anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay chị Th và anh T đều nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Th với anh T.

[3] Về con chung: Chị Th, anh T có 01 con chung là Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 06/9/2019, hiện con chung đang được anh T nuôi dưỡng. Nay chị Th, anh T đều nhận nuôi con chung. Chị Th xác định có đủ điều kiện nuôi con, chị đang làm nhân viên bán hàng thu nhập hàng tháng 9.500.000 đồng, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ và chị có đất ở riêng tại thị trấn C, nên nếu được nuôi con thì gia đình chị cùng có trách nhiệm trông nom, chăm sóc cháu. Mặt khác hiện con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Đối với anh T thì xác định, anh đang kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000 đồng, thời gian làm việc chủ động, anh có nhà riêng và ở gần bố mẹ đẻ nên bố mẹ sẽ cùng anh

chăm sóc các con. Do đó, anh xác định có đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Về điều kiện kinh tế, hiện nay chị Th, anh T đều có công việc ổn định, đều có thu nhập để chi phí nuôi dưỡng con chung; Về nơi ở, sinh hoạt khi nuôi con thì thấy hiện anh T đã có nhà ở riêng còn chị Th đang ở cùng bố mẹ, nhưng chị Th cũng có đất riêng. Như vậy, điều kiện về kinh tế, chỗ ở của chị Th với anh T là ngang nhau, nhưng con chung của chị Th, anh T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác, anh T đang phải nuôi 02 con riêng, nếu tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi sẽ gây khó khăn cho anh T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Th, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th, anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Th nuôi con Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 06/9/2019. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0011928 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị Th số tiền 225.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyệnT;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy